

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2019/DS-PT
Ngày 24- 6 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Phạm Thị Thanh
Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng
5 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2019
của Tòa án nhân dân huyện L.V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 234/2019/QĐPT-DS
ngày 04 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: La Thanh Nh, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp Phú L xã T.Ph. Đ thành phố S.Đ, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Cao Minh Tr, sinh năm 1970.

Địa chỉ: khóm S.Nh, phường T.Q. Đ, thành phố S.Đ, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1970;

Nguyễn Hoàng Gi, sinh năm: 1969;

Cùng địa chỉ: ấp L.Th, xã L. H, huyện L.V, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Văn L, sinh năm: 1965;

Địa chỉ: khóm 1, thị trấn L.V, huyện L.V, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: ấp L.Th, xã L. H, huyện L.V, tỉnh Đồng Tháp.

2. Võ Văn D, sinh năm: 1957;

Địa chỉ: ấp Phú L, xã T Ph. Đ, thành phố S.Đ, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Anh La Thanh Nh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh La Thanh Nh và người đại diện theo ủy quyền ông Cao Minh Tr trình bày:

Ngày 24/01/2014 anh Nh cho chị Th, anh Gi vay 360.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, vay không thời hạn. Chị Th, anh Gi đến Phòng công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho anh Nh thửa đất số 1013, tờ bản đồ số 5, diện tích 100m², loại đất ONT và nhà ở diện tích xây dựng 80m², diện tích sàn 160m², giá chuyển nhượng ghi trong hợp đồng là 360.000.000 đồng (bằng với số tiền vay) để đảm bảo ràng buộc trách nhiệm trả nợ. Nếu hơn một tháng chị Th, anh Gi không trả nợ thì anh Nh làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất. Chị Th, anh Gi có đưa cho anh Nh giữ Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với thỏa thuận khi trả tiền xong anh Nh sẽ trả lại.

Từ lúc vay ngày 21/01/2014 đến ngày 24 tháng 7 năm 2015 chị Th, anh Gi có trả tiền lãi cho anh N được 18 tháng, lãi suất 3% với số tiền 194.400.000 đồng; sau đó không trả tiền lãi nên anh Nh đòi lại tiền vốn vay thì chị Th, anh Gi nói với anh Nh đưa lại Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chuyển nhượng cho người khác lấy tiền trả nợ cho anh Nh. Tuy nhiên sau khi anh Nh giao trả lại bản chính Giấy chứng nhận thì chị Th, anh Gi không trả nợ vay cho anh Nh. Do đó anh Nh có khiếu nại đến Công an tỉnh Đồng Tháp giải quyết nhưng do tranh chấp dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Nh kiện yêu cầu chị Th, anh Gi phải trả tiền vốn vay là 360.000.000 đồng, tiền lãi là 112.896.000 đồng (tạm tính từ ngày 24/7/2015 đến ngày 24/11/2017 là 28 tháng, lãi suất 1,12%/ tháng), tổng cộng là 472.896.000 đồng.

Anh Nh không có yêu cầu hay tranh chấp phần đất theo hợp đồng chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất chứng thực ngày 24/01/2014 tại

Phòng công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp. Anh Nh không yêu cầu gì đối với ông L trong vụ án này.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Hoàng Gi trình bày:

Ông Nguyễn Văn L có quan hệ là anh ruột của chị Th. Ngày 24/01/2014 chị Th, anh Gi cho ông L mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Th, anh Gi đứng tên để ông L vay anh Nh số tiền 360.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay 01 tháng trả tiền.

Hình thức cho mượn giấy là chị Th, anh Gi đến Phòng công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho anh Nh thửa đất số 1013, tờ bản đồ số 5, diện tích 100m², loại đất ONT và nhà ở diện tích xây dựng 80m², diện tích sàn 160m², giá chuyển nhượng ghi trong hợp đồng là 360.000.000 đồng để đảm bảo trách nhiệm trả nợ. Chị Th, anh Gi giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nh giữ và thỏa thuận khi trả xong tiền thì anh Nh trả lại. Nếu quá 01 tháng không trả tiền vay thì anh Nh sang tên quyền sử dụng đất.

Sau khi vợ chồng chị Th, anh Gi ký tên Hợp đồng chuyển nhượng thì về nhà trọ Phát Tài của ông L; tại đây anh Nh giao tiền cho ông L nhận 360.000.000 đồng, và ký biên nhận nợ. Đồng thời chị Th, anh Gi có đưa cho anh Nh giữ Bản chính giấy chứng nhận.

Chị Th, anh Gi không có nhận tiền của anh Nh. Đến ngày thứ 29 sau khi vay thì ông L trả tiền nợ vốn vay là 360.000.000 đồng, lãi trên 40 triệu đồng cho anh Nh; trả tiền tại nhà trọ Phát Tài tại S Đ. Sau khi ông L trả tiền cho anh Nh xong thì anh Nh cũng đã trả lại ngay bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho chị Th, anh Gi. Năm 2017 chị Th, anh Gi đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà cho ông Võ Văn D.

Do đó chị Th, anh Gi không đồng trả cho anh Nh số tiền 360.000.000 đồng và tiền lãi 112.896.000 đồng, tổng cộng 472.896.000 đồng.

Chị Th, anh Gi không yêu cầu xem xét Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất chứng thực ngày 24/01/2014 tại Phòng công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp và cũng không yêu cầu tranh chấp gì liên quan đến đất. Ngoài ra không có trình bày hay yêu cầu gì thêm khác.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn L trình bày:

Lời trình bày của chị Th, anh Gi là đúng. Ông L có mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của em ông là chị Th, anh Gi để vay tiền anh Nh. Sau khi chị Th, anh Gi ký tên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài

sản gắn liền với đất chứng thực ngày 24/01/2014 tại Phòng công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp xong thì về nhà trọ Phát Tài do ông L đang ở; tại đây anh Nh giao 360.000.000 đồng cho ông L nhận, có ký tên vào biên nhận vay tiền và giao cho anh Nh giữ bản chính Giấy chứng nhận.

Đến ngày thứ 29 thì ông L trả tiền nợ vốn vay là 360.000.000 đồng, tiền lãi trên 40 triệu đồng cho anh Nh, trả tiền tại nhà trọ Phát Tài tại S.Đ. Sau khi ông L trả tiền anh Nh, anh Nh đã trả lại ngay bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Th, anh Gi. Năm 2017 chị Th, anh Gi đã chuyển nhượng đất cho ông Võ Văn D.

Chị Th, anh Gi không vay và sử dụng tiền của anh Nh; ông L vay và đã trả xong tiền nên đã hủy bỏ biên nhận vay tiền, anh Nh đã trả lại bản chính Giấy chứng nhận cho chị Th, anh Gi.

Ngoài lần vay này ra sau đó ông L có vay của anh Nh nhiều lần khác cũng đã trả xong. Ngoài ra không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn D trình bày:

Tài sản nhà và đất ông D nhận chuyển nhượng hợp pháp của chị Th, anh Gi theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất ngày 23/02/2017. Sau khi nhận chuyển nhượng ông D sửa chữa nhà và sử dụng ổn định đến nay. Hiện nay ông D đang đứng tên quyền sử dụng đất. Ông D không có liên quan và cũng không yêu cầu gì trong vụ án này.

- Bản án dân sự sơ thẩm số:05/2019/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L.V quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh La Thanh Nh về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Hoàng Gi trả tiền vốn vay là 360.000.000 đồng, tiền lãi là 112.896.000 đồng, tổng cộng là 472.896.000 đồng.

2. Về án phí, tạm ứng án phí:

Anh La Thanh Nh phải nộp tiền án án phí dân sự sơ thẩm là 22.915.840 đồng, được trừ vào số tiền 11.457.280 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 00807, ngày 17/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.V. tỉnh Đồng Tháp. Anh La Thanh Nh còn phải nộp thêm 11.458.560 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm anh Nh kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh về việc yêu cầu chị Th, anh Gi phải có nghĩa vụ trả cho anh Nh số tiền vốn vay và lãi là 472.869.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt anh Tr, chị Th, anh Gi, ông L tham gia phiên tòa. Ông D có đơn xin xét xử vắng mặt.

Anh Tr đại diện cho anh Nh ý kiến anh Nh giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không có cung cấp chứng cứ gì thêm. Chị Th, anh Gi không có chứng cứ trả tiền cho anh Nh. Căn cứ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì chị Th, anh Gi nhận tiền của anh Nh.

Chị Th, anh Gi trình bày: Tiền theo hợp đồng chuyển nhượng là do ông L vay, sử dụng và đã trả xong cho anh Nh nên anh Nh mới trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Th, anh Gi. Do đó anh, chị không đồng ý theo yêu cầu của anh Nh.

Ông L trình bày về hợp đồng vay tiền ông L và anh Nh thực tế xảy ra nhiều lần. Ông đã thanh toán cho anh Nh xong tất cả nên anh Nh đã trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp theo hợp đồng chuyển nhượng. Vào năm 2016 xảy ra mâu thuẫn, ông L cũng có đơn trình báo đến cơ quan Công an Thành phố S. Đ yêu cầu giải quyết; ông yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ tại Công an Thành phố S.Đ để chứng minh cho lời trình bày của ông là đúng sự thật. Ngoài ra không cung cấp thêm chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định về quyền và nghĩa vụ đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh Nh là đúng, phù hợp với quy định pháp luật; kháng cáo của anh Nh có cơ sở chấp nhận nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đồng thời tại phiên tòa anh Tr không yêu cầu đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng quyền sử dụng đất, nhưng xét thấy cần phải giải quyết hợp đồng trên theo quy định pháp luật để việc giải quyết vụ án một cách toàn diện.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh La Thanh Nh yêu cầu buộc chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Hoàng Gi trả tiền vốn vay là 360.000.000 đồng, tiền lãi là 112.896.000 đồng; tổng cộng là 472.896.000 đồng. Căn cứ đề yêu cầu là Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất chứng thực ngày 24/01/2014 tại Phòng công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp; nội dung Hợp đồng thể hiện số tiền chuyển nhượng đất 360.000.000 đồng là số tiền hợp đồng vay giữa hai bên.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất chứng thực ngày 24/01/2014 tại Phòng công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp nội dung Hợp đồng tại Điều 2 thể hiện “việc thanh toán số tiền 360.000.000 đồng do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật” nhưng hợp đồng chuyển nhượng này là hợp đồng giả tạo che dấu Hợp đồng vay tài sản. Tuy nhiên giữa anh Nh với chị Th, anh Gi không có bất cứ chứng cứ chứng minh thỏa thuận vay và anh Nh có giao tiền 360.000.000 đồng cho chị Th, anh Gi nhận.

Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi ký kết Hợp đồng chuyển nhượng chị Th, anh Gi giao cho anh Nh. Sau đó anh Nh đã giao trả lại cho vợ chồng chị Th, anh Gi nhưng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc anh Nh giao trả lại là để chị Th, anh Gi chuyển nhượng đất cho người khác lấy trả tiền cho anh Nh.

Theo “Đơn tố cáo tội phạm ngày 4/8/2016” của anh Nh tố cáo ông L tại Công an tỉnh Đồng Tháp thể hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất chứng thực ngày 24/01/2014 tại Phòng công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp giá trị hợp đồng là 360.000.000 đồng; anh Nh trình bày trong đơn là giao dịch và trả đủ tiền cho ông Nguyễn Văn L; không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện giao tiền cho chị Th, anh Gi. Từ những phân tích trên xét yêu cầu của anh Nh là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Các đương sự không có yêu cầu xem xét Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất chứng thực ngày 24/01/2014 tại Phòng công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, không yêu cầu tranh chấp gì liên quan đến đất và cũng không yêu cầu gì đối với ông L nên không xem xét giải quyết.

[3] Sau khi xét xử anh Nh kháng cáo đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh. Xét kháng cáo của anh Nh đối với số tiền 360.000.000 đồng và tiền lãi mà anh Nh yêu cầu anh Gi, chị Th trả mà Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận với lý do nhận định như trên là đúng quy định pháp luật.

[4] Ngoài ra Tòa án cấp phúc thẩm cũng đã thu thập chứng cứ là vào tháng 8/2016 ông L đã có phản đối và tranh chấp với anh Nh bằng hình thức gửi đơn đến Công an thành phố S Đ yêu cầu giải quyết. Theo tờ tường trình cũng như tại biên bản ghi lời khai ngày 09/8/2006 của Công an thành phố S Đ ghi nhận anh Nh trình bày anh Nh có quan hệ làm ăn mua bán với ông L; anh Nh đã mua một căn nhà (kể cả nền nhà) do em của ông L tên Th và Gi đứng tên với giá 360.000.000 đồng vào khoảng tháng 01/2014 đã công chứng và thanh toán tiền mặt đầy đủ, anh đã nhận sổ đỏ. Lời khai này của anh Nh hoàn toàn phù hợp với lời khai chị Th, anh Gi cũng như ông L vào ngày 24/01/2014 chị Th, anh Gi cho ông L mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị Th, anh Gi đứng tên quyền sử dụng đất để ông L vay anh Nh 360.000.000 đồng, khi nào trả xong tiền thì anh Nh trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đồng thời xét thấy anh Nh cho rằng theo hợp đồng vay tiền nếu chị Th, anh Gi không trả tiền thì anh có quyền làm thủ tục sang tên chuyển nhượng nhưng anh Nh không thực hiện; anh Nh trả lại giấy chứng nhận nhưng không có chứng cứ nào chứng minh giao lại để chị Th, anh Gi chuyển nhượng cho người khác lấy tiền trả cho anh Nh. Năm 2017 chị Th, anh Gi chuyển nhượng đất cho ông D thì anh Nh cũng không có gì chứng minh việc phản đối, tranh chấp của anh.

Do đó kháng cáo anh Nh cho rằng anh Gi, chị Th vay tiền không trả đòi lại là không có cơ sở chấp nhận nên không chấp nhận kháng cáo của anh Nh.

[5] Tuy nhiên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/01/2014 được xác định là hợp đồng vay; các bên đều thừa nhận có đóng tiền lãi. Do đó hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho anh Nh thửa đất số 1013, tờ bản đồ số 5, diện tích 100m², loại đất ONT và nhà ở diện tích xây dựng 80m², diện tích sàn 160m² giữa anh Nh với anh Gi, chị Th là giả tạo nên vô hiệu nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên giải quyết lý do đương sự không có yêu cầu là không đúng vì hợp đồng chuyển nhượng ngày 24/01/2014 giữa anh Nh với anh Gi, chị Th được thực hiện tại Phòng Công chứng đúng theo quy định pháp luật về chuyển nhượng nhà đất. Tuy hợp đồng vô hiệu nhưng thực tế vẫn còn tồn tại; anh Nh dùng hợp đồng chuyển nhượng này để khởi kiện và chứng minh cho yêu cầu của mình mà chị Th, anh Gi đã thực hiện việc chuyển nhượng theo quy định pháp luật cho ông D được đứng tên và được cấp quyền sử dụng đất và sử dụng từ năm 2017 đến nay; nên cần phải huỷ hợp đồng chuyển nhượng giữa anh Nh với chị Th, anh

Gi, sửa bản án sơ thẩm tuyên giải quyết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu.

[6] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh Nh, giữ nguyên bản án sơ thẩm; việc đề nghị là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với số tiền vay anh Nh khởi kiện 3.600.000.000đ và tiền lãi; sửa bản án sơ thẩm tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Nh với chị Th, anh Gi là vô hiệu. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí dân sự: Do sửa bản án sơ thẩm nên anh Nh không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 129, 137, 471, 697 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của anh La Thanh Nh.

- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

1. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 24/01/2014 giữa anh La Thanh Nh với chị Nguyễn Thị Th, anh Nguyễn Hoàng Gi là vô hiệu.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh La Thanh Nh về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Th, anh Nguyễn Hoàng Gi trả tiền vốn vay là 360.000.000 đồng, tiền lãi là 112.896.000 đồng, tổng cộng là 472.896.000 đồng.

3. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh La Thanh Nh phải nộp tiền án án phí dân sự sơ thẩm là 22.915.840 đồng, được trừ vào số tiền 11.457.280 đồng (Mười một triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn, hai trăm tám mươi đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 00807, ngày 17/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.V, tỉnh Đồng Tháp. Anh

La Thanh Nh còn phải nộp thêm 11.458.560 đồng (Mười một triệu, bốn trăm năm mươi tám nghìn, năm trăm sáu mươi đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh La Thanh Nh được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008640, ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.V, tỉnh Đồng Tháp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp;
- Tòa án nd huyện L.V;
- Chi cục THADS huyện L.V;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Chí Tâm